

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 31 - 3 - 2021  
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
2. Ông Trương Ngọc Điệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 505/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Trần Thanh D, sinh năm 1982; địa chỉ: Đường L, Tổ 10, Khu phố 4, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Khu phố N, phường T, thành phố A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Minh Anh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Đường L, Tổ 10, Khu phố 4, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Trần Thanh D trình bày:

Bà D và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương (Giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số 1/05 do UBND phường L cấp ngày 16/8/2005).

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc nhưng từ năm 2006 vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông T không lo làm ăn, không phụ giúp gia đình, thường xuyên uống bia, rượu, cờ bạc, trai gái bất chính. Ngoài ra, ông T còn nghiện ma túy, gia đình đã đưa ông T đi cai nghiện tự nguyện nhiều lần để ông T thay đổi, sửa chữa trở thành người có ích

cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, sau khi cai nghiện về, ông T vẫn không hết nghiện, không chăm lo làm ăn, bà D nhiều lần khuyên răn nhưng ông T không thay đổi nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Khoảng tháng 05/2018, bà D và ông T sống ly thân, bà D bỏ về nhà cha mẹ ruột bà D tại phường T, thành phố A, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Hiện nay, bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống, bà D, ông T có 01 con chung là Phạm Trần Tuấn K, sinh ngày 07/3/2003. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Minh Anh T không đến Tòa án làm việc; không nộp văn bản nêu ý kiến và giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

#### ***Tại phiên tòa,***

- Bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện về nuôi con chung, do hiện nay con chung Phạm Trần Tuấn K, sinh ngày 07/3/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

- Ông T đã được Tòa án triệu hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông T.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy hôn nhân của bà D, ông T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận. Đối với con chung Phạm Trần Tuấn K, sinh ngày 07/3/2003 đã trưởng thành, bà D không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố M, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Về hôn nhân: Bà D, ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận. Bà D nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do vợ chồng sống không hạnh phúc, ông T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống bia rượu, cờ bạc, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và nghiện ngập ma túy. Ông T không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác ý kiến của bà D. Do đó, ý kiến của bà D thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà D và xác minh tại địa phương, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà D, ông T là có thật, hiện tại cả hai đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2018 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nền tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho ông T đến hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng ông T không đến. Chứng tỏ ông T cũng không còn tình cảm với bà D, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà D, ông T có 01 con chung là Phạm Trần Tuấn K, sinh ngày 07/3/2003. Hiện nay, con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Trần Thanh D đối với bị đơn ông Phạm Minh Anh T về việc tranh chấp ly hôn.

- Về hôn nhân: Bà D được ly hôn ông T.

- Về con chung: Bà D, ông T có 01 con chung Phạm Trần Tuấn K, sinh ngày 07/3/2003. Hiện nay, đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên Tòa án không giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về án phí hôn nhân gia đình: Bà D nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050621, ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

**3.** Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. TDM;
- Đương sự;
- UBND phường L, TP.TDM, BD;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**